

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2021/DS-ST

Ngày 06-12-2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Mỹ Lil**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Huỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 374/TB-TA ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Mỹ C**, sinh năm 1981 (Có mặt), trú tại: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Ông **Trần Hoàng L**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Trần Mỹ C** trình bày: Bà là chủ dây hội ngày 25/7/2018 ăl, loại hội 3.000.000 đồng, có 37 phần, khai 01 lần/tháng, ông L và bà V là vợ chồng, tham gia 01 chung ở thứ tự “37”, đã hốt ở kỳ thứ 6 số tiền 67.440.000 đồng; tính đến thời điểm mãn hội, ông L và bà V phải đóng tiền hội chết cho bà số tiền 93.000.000

đồng. Ông L và bà V trả được 17.500.000 đồng, còn thiếu lại 75.500.000 đồng đến nay ông L và bà V chưa trả. Nay, bà C khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoàng L và bà Trần Thị V liên đới trả tiền hội 75.500.000 đồng.

Đối với bị đơn bà **Trần Thị V**, ông **Trần Hoàng L**: Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đúng theo quy định, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà V, ông L vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn bà Trần Thị V, ông Trần Hoàng L vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị V, ông Trần Hoàng L vắng mặt, còn nguyên đơn bà Trần Mỹ C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, nhưng có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, còn bị đơn không hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, không chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Mỹ C, buộc bị đơn bà Trần Thị V, ông Trần Hoàng L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Mỹ C số tiền hội 75.500.000 đồng (trong đó, ông L có trách nhiệm trả cho bà C 37.750.000 đồng, bà V có trách nhiệm trả cho bà C 37.750.000 đồng); Về án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự tại vụ án có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 25; khoản 3 Điều 26 Nghị định số:

19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biên, phường. Đồng thời, do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Bà C là chủ dây hội ngày 25/7/2018 âl, loại hội 3.000.000 đồng, có 37 phần, khai 01 lần/tháng, ông L và bà V là vợ chồng, tham gia 01 chung ở thứ tự “37”, đã hốt ở kỳ thứ 6 số tiền 67.440.000 đồng, tính đến thời điểm mãn hội, ông L và bà V phải đóng tiền hội chết cho bà C số tiền 93.000.000 đồng. Ông L và bà V trả được 17.500.000 đồng, còn thiếu lại 75.500.000 đồng đến nay ông L và bà V chưa trả cho bà C. Bà C cung cấp cho Tòa án giấy giao hội ngày 04/01/2019 âl, có chữ ký, chữ viết của bà V (ông L không có ký tên), thể hiện rõ số tiền mà bà C có giao cho ông L và bà V.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà V đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết cho ly hôn tại Bản án Hôn nhân và gia đình số: 134/2021/HNGĐ-ST ngày 17/5/2021, án có hiệu lực pháp luật.

[4] Ông L và bà V không tham gia tố tụng, nhưng văn bản tố tụng của Tòa án, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, được người thân của bà V và ông L ký nhận thay, nhưng bà V và ông L vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản đối gửi đến Tòa án theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà V và ông L có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền hội còn lại 75.500.000 đồng theo đề nghị của Viện kiểm sát, là phù hợp.

[5] Về án phí: Do, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà C được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.875.000 đồng tại biên lai thu số 0004788 ngày 23/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời; buộc bà V và ông L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 3.775.000 đồng = 75.500.000 đồng x 5% (trong đó, ông L và bà V, mỗi người phải nộp số tiền 1.887.500 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27; Điều 30; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Khoản 1 Điều 25; khoản 3 Điều 26 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biên, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Mỹ C, buộc bị đơn bà Trần Thị V và ông Trần Hoàng L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Mỹ C tiền hui 75.500.000 đồng (trong đó, ông L có trách nhiệm trả cho bà C 37.750.000 đồng, bà V có trách nhiệm trả cho bà C 37.750.000 đồng).

2. “Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả”.

3. Về án phí: Bà Trần Mỹ C được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.875.000 đồng (bằng chữ: một triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0004788 ngày 23/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời; Buộc bà Trần Thị V và ông Trần Hoàng L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 3.775.000 đồng (trong đó, ông L phải nộp số tiền 1.887.500 đồng, bà V phải nộp số tiền 1.887.500 đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Mỹ C được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trần Thị V và ông Trần Hoàng L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang